

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 05-4-2022

“V/v Tranh chấp chia tài sản chung
của hộ gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tấn Nghị và ông Lê Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ta, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ L, sinh năm 1931, Lương Thị R, sinh năm 1934

Đều địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị P, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn P 2, xã H, thị xã Đ, Phú Yên (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2021).

- Bị đơn: Võ Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Võ Thị B, sinh năm 1964, Địa chỉ: Thôn P3, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên
2. Võ Thị Nh, sinh năm 1966, Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên
3. Võ Thị M, sinh năm 1971, Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên
4. Võ Thị Gái E, sinh năm 1978, Địa chỉ: KP P, thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên
5. Võ Thị Phần, sinh năm 1982, Địa chỉ: Thôn Phước Lộc 1, xã Hòa Thành, TX Đông Hòa, Phú Yên

6. Võ Tấn K (chết)

7. Võ Thị C (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh K, chị C: Cha: Võ L, sinh năm 1931, mẹ: Lương Thị R, sinh năm 1934, Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

8. Võ Văn K (chết năm 2006), người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Vợ: Huỳnh Thị Hồng D, sinh năm 1983, con Võ Như H, sinh năm 2004, Võ Ninh C, sinh năm 2006, Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P1, huyện Tây Hòa, Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản trình bày, nguyên đơn Võ L, Lương Thị R cùng trình bày:*

Vợ chồng nguyên đơn sinh được 09 người con: Võ Thị B, Võ Thị Nh, Võ Tấn K (chết năm 1993), Võ Thị M, Võ Thị C (chết năm 2018), Võ Thị N, Võ Thị Gái E Võ Văn K (chết năm 2006), Võ Thị P. Năm 2002, nguyên đơn được công ty hốt đào đền bù đất ruộng được 38.000.000 đồng, nguyên đơn đã chia phần cho các con gồm Võ Thị C, Võ Thị Gái E, Võ Văn K, Võ Thị P, mỗi người nhận 4.800.000 đồng. Riêng con gái Võ Thị N không nhận tiền mà nhận 1,2 sào ruộng ở khu vực Đ, thị trấn P canh tác đến nay. Ngày 05/02/2021, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CX227500 cho diện tích đất 158,4m² thuộc thửa số 254, tờ bản đồ 68 (đo đạc năm 2014), loại đất hàng năm khác, tại khu phố P, thị trấn P, huyện T đứng tên ông L, bà R. Nay nguyên đơn có nhu cầu chuyển nhượng diện tích đất trên nhưng bị đơn ngăn cản, gây khó khăn không cho nguyên đơn chuyển nhượng. Vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa công nhận quyền sử dụng đất trên là của nguyên đơn, ngoài ra không còn ai khác.

** Bị đơn Võ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị B, Võ Thị N, Võ Thị Pn cùng thống nhất trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, đồng ý để nguyên đơn chuyển nhượng, không có yêu cầu hay tranh chấp gì.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị Gái E, Võ Ninh H, Võ Như C vắng mặt nhưng có lời khai: Thống nhất để nguyên đơn chuyển nhượng diện tích đất trên, không có yêu cầu hay tranh chấp gì.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị M, Huỳnh Thị Hồng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời trình bày.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn có 09 người con gồm: Võ Thị B, Võ Thị N, Võ Tấn K, Võ Thị M, Võ Thị C, Võ Thị N, Võ Thị Gái E, Võ Văn K, Võ Thị P, tuy nhiên khi nguyên đơn được Nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP thì được cấp nhiều thửa đất (đất ở, đất hàng năm khác và đất trồng lúa) cho 07 nhân khẩu gồm: Võ L, Lương Thị R, Võ Thị N, Võ Thị C, Võ Văn K, Võ Thị Gái E và Võ Thị P (lúc này Võ Thị B, Võ Thị N đã lập gia đình nên tách hộ khẩu chuyển đi nơi khác) và trong đó có thửa đất hiện nay được đổi thành thửa 254, tờ bản đồ 68 (đo đạc năm 2014), diện tích 158,4m², loại đất hàng năm khác, tại khu phố P, thị trấn P1, huyện T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CX227500 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 05/02/2021. Khoảng năm 2002, Công ty hột đào xây dựng trên đất lúa của nguyên đơn và đền bù cho nguyên đơn số tiền 38.000.000đồng, nguyên đơn nghĩ rằng trong đó có phần ruộng của các con nên nguyên đơn gọi về chia cho Võ Thị C, Võ Thị Gái E và Võ Thị P, mỗi người 4.800.000đồng (tương đương 1,2 sào ruộng), còn Võ Văn K chết thì vợ K nhận thay 4.800.000đồng, riêng Võ Thị N không nhận tiền mà nhận 1,2 sào ruộng ở khu vực Đ, thị trấn P, huyện T để làm từ đó đến nay là phù hợp lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị B, Võ Thị N, Võ Thị Gái E, Võ Thị P, Huỳnh Thị Hồng D xác nhận, đồng thời những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên không có tranh chấp gì và đồng ý để nguyên đơn chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, đồng thời không cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh bị đơn có liên quan đến thửa đất trên để xem xét. Quá trình xét xử bị đơn không có mặt để có lời trình bày nên không có căn cứ để xem xét, bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn Võ Thị N. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 254, tờ bản đồ 68, diện tích 158,4m², địa chỉ khu phố P, thị trấn P1, huyện Ta, tỉnh Phú Yên cho ông Võ L, bà Lương Thị R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Võ Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị M, Võ Thị Gái E, Huỳnh Thị Hồng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Như H, Võ Ninh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc được Nhà nước cấp cho hộ gia đình ông Võ L gồm 07 nhân khẩu: Vợ chồng ông Võ L, bà Lương Thị R và các con ruột là bà Võ Thị C, bà Võ Thị N, ông Võ Tấn K, bà Võ Thị Gái E, bà Võ Thị P. Hộ ông được cấp 200m² đất ở thuộc thửa số 772, tờ bản đồ 12-D (bản đồ năm 1996) đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận số BB 765923 ngày 30/3/2012; 410m² đất HNK thuộc thửa số 80, tờ bản đồ 11, 3592m² đất 2L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B499503 do UBND huyện Tuy Hòa cũ cấp ngày 13/3/1995 và 200m² đất quy hoạch thổ cư chưa được cấp giấy chứng nhận. Năm 2004, ông L chuyển nhượng cho ông Văn Kim H diện tích 125m² (gồm 100m² đất ở và 25m² đất HNK) và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, vợ chồng ông L có biên bản thỏa thuận giao 194m² đất HNK cho vợ chồng con gái là Võ Thị Gái E sử dụng. Diện tích còn lại của hộ ông L là: 100m² đất ở, 191m² đất HNK, 200m² đất QHTC. Ngày 01/7/2020, ông L có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với 195,4m² đất QHTC thành 195,4m² đất HNK. Đến ngày 06/01/2021, hộ ông L được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CX 227500 tại thửa số 241, tờ bản đồ 68, diện tích 486,4m² gồm: 100m² đất ở, 386m² đất HNK (diện tích đất QHTC giảm 4,6m² so với hồ sơ cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP là do sai số đo đạc). Diện tích 158,4m² nguyên đơn yêu cầu công nhận thuộc thửa số 254, tờ bản đồ 68 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CX227500 ngày 05/02/2021, là được tách ra từ một phần thửa đất 241, tờ bản đồ 68.

HĐXX thấy rằng nguồn gốc đất là do ông Võ L, bà Lương Thị R tự tạo lập và sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 (theo Công văn trả lời của UBND thị trấn P1 ngày 29/9/2021). Quá trình thực hiện chính sách đất đai thì Nhà nước mới cân đối cấp cho hộ gia đình ông L gồm 07 nhân khẩu.

[2.2] Mặt khác, khi vợ chồng nguyên đơn được nhận số tiền 38.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng đất lúa cho công ty TNHH MTV Vật tư tổng hợp Phú Yên vào năm 2007 để làm xưởng hột đào và ông bà nghĩ các con cũng có phần đất lúa nên đã chia cho Võ Thị C, Võ Thị Gái E, Huỳnh Thị Hồng D (vợ của Võ Văn K chết nhận thay), Võ Thị P mỗi người được nhận 4.800.000 đồng; riêng con gái Võ Thị N không nhận tiền mà nhận 1,2 sào ruộng ở Khu vực B, thị trấn P1, huyện T để canh tác từ đó đến nay, là tương ứng với phần được Nhà nước cân đối cho bị đơn trong hộ. Sự việc trên được bà Võ Thị P, Võ Thị B, Võ Thị N, Võ Thị G, Huỳnh Thị Hồng D xác nhận.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn Võ Thị N là con ruột của ông L, bà R không đến Tòa để trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích cho bị đơn, là tự tước bỏ quyền dân sự đối với tài sản của mình. Tòa án chỉ làm việc được với những người con Võ Thị P, Võ Thị M, Võ Thị B, Võ Thị Gái E và hai cháu Võ Ninh H, Võ Như C; đều là những người liên quan trong vụ án, có quyền, nghĩa vụ tương tự như bị đơn, đều thông nhất công nhận cho ông L, bà R, không có yêu cầu gì, là phù hợp với nội dung lời khai của những người liên quan P, M, B, N,

H, C. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 102, 212 của Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật Đất đai; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 158,4m² thuộc thửa số 254, tờ bản đồ 68, gắn liền với giới cận: Đông giáp đất bà Võ Thị G, Tây giáp đường đi, Nam giáp đất có nhà của ông Võ L, Bắc giáp đất bà Võ Thị M; tọa lạc tại Khu phố P, thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CX227500 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 05/02/2021, thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Võ L, bà Lương Thị R (*có bản vẽ kèm theo*).

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí là 3.000.000 đồng, bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp 3.000.000 đồng nên bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mộng Tuyền

